



duó quán

夺权

verb phrase · to seize power

Example Sentences

Tā shì tú duó quán dàn shī bài le
他试图夺权，但失败了。

He tried to seize power but failed.

Lì shǐ shàng duō cì fā shēng gōng tíng duó quán shì jiàn
历史上多次发生宫廷夺权事件。

In history, palace power seizures occurred many times.

Zhè chǎng duó quán dòu zhēng chí xù le shù nián
这场夺权斗争持续了数年。

This power struggle lasted for several years.

Trace each character, then write the word on your own.

夺	夺	夺	夺	夺	夺	夺	夺	夺		
权	权	权	权	权	权	权	权	权		